

Bản án số: 28/2020/DS-PT

Ngày: 30 - 11 - 2020

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Vũ Thanh Liêm

***Các Thẩm phán:*** Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Phạm Việt Cường

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Thế Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2016/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2016 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2016/DS-ST ngày 21-3-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 228/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Trương Thị M, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Australia. Địa chỉ liên hệ: 135A T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Bà Phan Mỹ L, sinh năm 1980. Địa chỉ: 135A T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; (theo giấy ủy quyền lập ngày 17 tháng 5 năm 2012). Có mặt

***Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Phúc T, luật sư, Công ty luật TNHH MTV M thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**\* Bị đơn:**

1. Ông Trương Công T, sinh năm 1955 (chết năm 2014).

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng:*** Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1958; Bà Trương Thị Kim H, sinh năm 1978; Ông Trương Công T1, sinh năm 1980; Bà Trương Thị Ngọc H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: 495 T, tổ dân phố 4, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Đều vắng mặt.

2. Ông Trương Công T2, sinh năm 1962. Địa chỉ: 497 T, tổ dân phố 4, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Đình H1. Địa chỉ: 19 Đ, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2016). Có mặt.

3. Ông Trương Công L, sinh năm 1965. Địa chỉ: 04 V, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Đình H1. Địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa (theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2016). Có mặt

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trương Thị N, sinh năm 1957. Địa chỉ: 316 T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Phan Mỹ L, sinh năm 1980. Địa chỉ: 135A T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (theo giấy ủy quyền lập ngày 17 tháng 5 năm 2012). Có mặt.

2. Ông Trương Công H3, sinh năm 1959. Địa chỉ: Valencia. Vắng mặt

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Đình H1. Địa chỉ: 19 Đ, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2016). Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Công H3:* Bà Nguyễn Thị T, luật sư, VPLS L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Bà Võ Thị P, sinh năm 1970; ông Trương Công L, sinh năm 1992; ông Trương Thiên T4, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: 04 V, tổ 3, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Đều vắng mặt

4. Bà Dương Thị Mỹ H4, sinh năm 1962; ông Trương Quốc P, sinh năm 1994; cháu Trương Mai P, sinh năm 2011. Cùng địa chỉ: 497 T, tổ dân phố 4, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Đều vắng mặt.

Ông Trương Công T2 là người giám hộ cho cháu Trương Mai P. Có mặt.

5. Bà Lê Thị L. Địa chỉ: tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6. Ông Trần Thế H5, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

**\* Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Trương Thị M; bị đơn ông Trương Công T2, ông Trương Công L; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn ông Trương Công T (chết) là bà Trương Thị Ngọc H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công H3.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Trương Thị M và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Phan Mỹ L trình bày:*

Cha mẹ nguyên đơn là ông Trương Công C (chết ngày 22/11/ 2001) và bà

Nguyễn Thị X (Chết ngày 06/10/2011) sinh được 06 người con chung gồm các ông, bà: Trương Công T, Trương Thị N, Trương Công H3, Trương Công T2, Trương Công L và Trương Thị M.

Ngoài những người con chung trên thì bà Nguyễn Thị X còn có 01 người con riêng là bà Lê Thị L hiện đang sống tại thành phố Tuy H1.

Ông Trương Công T (chết năm 2014) có vợ là bà Đỗ Thị P và 03 người con là bà Trương Thị Kim H, ông Trương Công T1 và bà Trương Thị Ngọc H1.

Ông C và bà X chết không để lại di chúc và để lại khối di sản thừa kế bao gồm:

- + Nhà đất tại thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 đường T, phường N, thị xã N hiện do gia đình ông Trương Công T2 và những người thừa kế của ông Trương Công T đang quản lý, sử dụng.

- + Nhà đất tại địa chỉ số 04 V, phường N, thị xã N hiện do gia đình ông Trương Công L đang quản lý, sử dụng.

- + Thửa đất số (49+126+127) tờ bản đồ số 63 [383 593-6-(9)] phường N đang cho ông Trương Công H5 thuê để kinh doanh.

Đề nghị Tòa giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

*Lời khai của bị đơn ông Trương Công T khi còn sống như sau:*

Tên cha, mẹ, thời gian cha, mẹ chết, tài sản cha, mẹ để lại và những người con chung của cha, mẹ và con riêng của mẹ đúng như nguyên đơn bà Trương Thị M đã khai.

Nay nguyên đơn bà Trương Thị M khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế của cha mẹ, ông có ý kiến như sau:

- + Đối với phần nhà, đất tại 114 nay là 495 đường T, phường N, thị xã N: Ngày 02/6/1991, cha mẹ đã lập “Giấy cho nhà” cho vợ chồng ông một phần diện tích nhà, đất là 161.2m<sup>2</sup>. Năm 2001, vợ chồng ông có xây dựng lại nhà phía sau để làm xưởng tiện, vì diện tích đất còn lại quá nhỏ, không đủ diện tích xây dựng nên cha mẹ có cho thêm diện tích đất khoảng 65.23m<sup>2</sup> phía sau nhà để xây xưởng và làm công trình phụ. Vợ chồng ông cùng các con đã sinh sống ổn định từ đó đến nay, anh em trong gia đình cũng không có tranh chấp gì. Hợp đồng tặng cho có chữ ký của tất cả các người con trong gia đình, trong đó có cả bà Trương Thị M (trừ ông Trương Công H3 đang sống ở nước ngoài không ký). Việc tặng cho này đã được chính quyền địa phương chứng thực. Trước khi cha, mẹ qua đời cũng không thay đổi ý kiến gì đối với việc tặng cho, do đó đề nghị Tòa công nhận quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế đối với phần nhà, đất này của nguyên đơn.

- + Đối với phần nhà, đất mà hiện nay vợ chồng ông Trương Công T2 đang quản lý, sử dụng nay là số 497 đường T, phường N, thị xã N: Cũng trong ngày 02/6/1991, cha mẹ đã lập “Giấy cho nhà” cho vợ chồng ông Trương Công T2 diện tích nhà, đất khoảng 122m<sup>2</sup>, vợ chồng ông T2 cùng các con đã sinh sống ổn định từ

đó đến nay. Việc tặng cho này có chữ ký của tất cả các người con trong gia đình, trong đó có cả bà Trương Thị M (trừ ông Trương Công H3 đang sống ở nước ngoài không ký) và đã được chính quyền địa phương chứng thực. Trước khi cha, mẹ qua đời cũng không thay đổi ý kiến gì đối với việc tặng cho này nên đề nghị Tòa công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với nhà, đất này cho vợ chồng ông T2.

+ Đối với nhà đất tại số 04 V, phường N, thị xã N hiện do ông Trương Công L quản lý, sử dụng: Nhà, đất này khi còn sống di nguyện của cha mẹ là dùng làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế đối với nhà, đất này.

+ Đối với thửa đất số (49+126+127) tờ bản đồ số 63 [383 593-6(9)] phường N đang cho ông Trương Công H5 thuê để kinh doanh, hợp đồng cho thuê hết hạn vào tháng 8/2015. Yêu cầu Tòa chia đều cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị L là con riêng của mẹ, ông đồng ý chia kỷ phần thừa kế của mẹ cho bà L.

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Trương Công T:*

- Bà Đỗ Thị P trình bày: Bà thống nhất với phần trình bày của chồng bà là ông Trương Công T. Đề nghị Tòa giải quyết thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Bà Trương Thị Kim H, bà Trương Thị Ngọc H1 trình bày: Thống nhất lời khai của ông Trương Công T khi còn sống và lời khai của bà Đỗ Thị P.

- Ông Trương Công T1 trình bày: Thống nhất lời khai của ông Trương Công T khi còn sống và lời khai của bà Đỗ Thị P.

*Bị đơn ông Trương Công T2 trình bày:* Tên cha, mẹ, thời gian cha, mẹ chết, tài sản cha, mẹ để lại và những người con chung của cha, mẹ và con riêng của mẹ đúng như nguyên đơn bà Trương Thị M đã khai. Nay nguyên đơn bà Trương Thị M yêu cầu Tòa chia di sản thừa kế của cha mẹ, ông có ý kiến như sau:

+ Phần nhà đất số 497 đường T, phường N, thị xã N: Ngày 02/6/1991, cha mẹ đã lập “Giấy cho nhà” cho vợ chồng ông diện tích nhà đất là 122m<sup>2</sup>. Ông cùng gia đình sinh sống ổn định từ đó đến nay, anh em trong gia đình cũng không có tranh chấp gì. Việc tặng cho này có chữ ký của tất cả các người con trong gia đình, trong đó có cả bà Trương Thị M (trừ ông Trương Công H3 đang sống ở nước ngoài không ký). Giấy cho nhà đã được chính quyền địa phương chứng thực. Trước khi cha, mẹ qua đời cũng không thay đổi ý kiến gì đối với việc tặng cho này nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa công nhận quyền sở hữu và sử dụng phần diện tích nhà, đất này cho vợ chồng ông.

+ Đối với nhà đất tại số 04 V, phường N, thị xã N hiện do ông Trương Công L quản lý và sử dụng, khi còn sống di nguyện của cha, mẹ là giao nhà, đất này cho ông Trương Công L để làm nhà từ đường nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Do đó, đề nghị giao cho ông Trương Công L tiếp tục quản lý và không chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn.

+ Đối với thửa đất số (49+126+127) tờ bản đồ số 63 [383 593-6-(9)] phường N đang cho ông Trương Công H5 thuê để kinh doanh, hợp đồng cho thuê hết hạn vào tháng 8/2015. Thửa đất này trước đây cha, mẹ đã có ý nguyện là cho ông Trương Công H3 nên đề nghị Tòa giao cho ông H3.

- Đối với con riêng của mẹ ông là bà Lê Thị L, ông đồng ý chia kỷ phần thừa kế của mẹ cho bà L.

*Bị đơn ông Trương Công L trình bày:* Tên cha, mẹ, thời gian cha, mẹ chết, tài sản cha, mẹ để lại và những người con chung của cha, mẹ và con riêng của mẹ đúng như nguyên đơn bà Trương Thị M đã khai. Nay nguyên đơn bà Trương Thị M khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế của cha mẹ để lại, ông có ý kiến như sau:

+ Đối với nhà đất tại địa chỉ 495 và 497 đường T, phường N, thị xã N, năm 1991 cha mẹ ông đã lập Giấy cho vợ chồng ông T và vợ chồng ông T2. Đề nghị Tòa công nhận quyền sở hữu và sử dụng nhà, đất trên cho vợ chồng ông T2 và những người thừa kế của ông T.

+ Đối với nhà đất tại 04 V, phường N, thị xã N hiện do vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng. Cha, mẹ khi còn sống đã nói giao cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên.

Năm 2000, vì nhà xuống cấp nên ông cùng vợ là bà Võ Thị P đã bỏ tiền sửa chữa lại nhà 574.820.000 đồng. Nay nguyên đơn bà Trương Thị M khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế đối với nhà đất này, ông không đồng ý.

+ Đối với thửa đất số (49+126+127) tờ bản đồ số 63 [383 593-6-(9)] phường N đang cho ông Trương Công H5 thuê để kinh doanh, hợp đồng cho thuê sẽ hết hạn vào tháng 8/2015. Thửa đất này trước đây cha mẹ đã có ý nguyện cho ông Trương Công H3 nên đề nghị Tòa giao cho ông H3.

- Đối với con riêng của mẹ ông là bà Lê Thị L, ông đồng ý chia kỷ phần thừa kế của mẹ cho bà L.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trương Thị N trình bày: Tên cha, mẹ, thời gian cha, mẹ chết, tài sản cha, mẹ để lại và những người con chung của cha, mẹ và con riêng của mẹ đúng như nguyên đơn bà Trương Thị M đã khai. Nay nguyên đơn bà Trương Thị M khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế của cha mẹ để lại, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Ông Trương Công H3 trình bày: Tên cha, mẹ, thời gian cha, mẹ chết, tài sản cha, mẹ để lại và những người con chung của cha, mẹ và con riêng của mẹ, đúng như nguyên đơn bà Trương Thị M đã khai.

Việc bà M khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế do cha mẹ để lại, ông có ý kiến như sau:

+ Đối với nhà đất tại 495 và 497 đường T, phường N, thị xã N, cha mẹ đã lập Giấy cho vợ chồng ông T và vợ chồng ông T2 vào năm 1991. Đề nghị Tòa công

nhận quyền sở hữu và sử dụng nhà, đất cho những người trên.

+ Đối với nhà đất tại 04 V, phường N, thị xã N hiện do ông Trương Công L quản lý, sử dụng, trước khi mất di nguyện của cha mẹ là muốn dùng nhà đất này làm nhà từ đường, thờ cúng ông bà, tổ tiên. Do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

+ Đối với thửa đất số (49+126+127) tờ bản đồ số 63 [383,593-6-(9)] phường N, thị xã N khi còn sống cha mẹ đã làm giấy cho ông, khi đi nước ngoài ông có gửi cho bà M giữ, nhưng bà M đã cố tình không giao lại giấy tờ này cho ông. Thực tế, trong thời gian sống ở nước ngoài ông đã nhiều lần gửi tiền về cho ông T và ông T2 để nâng cao lô đất như hiện nay. Anh, em trong gia đình (trừ bà M và bà N) đều xác nhận việc này. Do đó, đề nghị Tòa công nhận quyền sử dụng lô đất này là tài sản ông C và bà X đã cho ông khi còn sống nên không xác định là di sản thừa kế để chia.

- Đối với con riêng của mẹ ông là bà Lê Thị L, ông đồng ý chia kỷ phần thừa kế của mẹ ông cho bà L.

- *Bà Võ Thị P trình bày:* Bà kết hôn với ông Trương Công L năm 1990, sau đó thì về sinh sống cùng với cha mẹ chồng và gia đình tại nhà đất 04 V, phường N, thị xã N từ đó tới nay. Thống nhất với lời khai của ông Trương Công L.

- *Bà Lê Thị L trình bày:* Bà là con riêng của bà Nguyễn Thị X. Khi mẹ kết hôn với ông C bà còn nhỏ ở với ngoại chứ không ở chung với ông C và bà X, giữa bà và ông C không có quan hệ nuôi dưỡng.

Việc bà Trương Thị M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X và ông Trương Công C, bà đồng ý và yêu cầu Tòa chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà xin được nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2016/DS-ST ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:***

Căn cứ Điều 34, 131, 141 142 và 202 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 631, 634, 635, 646, 648, 652, 667, 674, 675, 676, 679, 685 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử

1. Xác định tài sản do ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X tạo lập khi còn sống gồm:

- Nhà đất tại thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N nay là số 495 và 497 đường T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Nhà đất tại thửa số 14 tờ bản đồ số 62 phường N, thị xã N nay là số 04 V, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Thửa đất số 49, 126, 127 tờ bản đồ số 63 phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Công nhận Hợp đồng tặng cho tài sản lập ngày 02/6/1991 giữa ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X với vợ chồng ông Trương Công T, bà Đỗ Thị P và vợ

chồng ông Trương Công T2 và bà Dương Thị Mỹ H4 có giá trị pháp lý.

- Xác định căn nhà trên diện tích đất  $161,2m^2$  tọa lạc tại số 114 nay là 495 đường T, phường N, thị xã N thuộc một phần thửa đất 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N (ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án) là tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trương Công T và bà Đỗ Thị P.

- Xác định căn nhà trên diện tích đất  $122,8m^2$  tọa lạc tại số 497 T, phường N, thị xã N thuộc một phần thửa đất 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N (ký hiệu B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án) là tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trương Công T2 và bà Dương Thị Mỹ H4.

3. Xác định di sản thừa kế của ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X để lại gồm: Diện tích đất  $392,2m^2$  thuộc thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N; Nhà, đất tại số 04 V, phường N, thị xã N thuộc thửa số 14 tờ bản đồ số 62 phường N, thị xã N và thửa đất số 49, 126, 127 tờ bản đồ số 63 phường N, thị xã N có tổng trị giá là 7.213.181.251 đồng.

4. Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị M về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” của ông Trương Công C (Chết năm 2001) và bà Nguyễn Thị X (Chết năm 2011).

5. Các ông Trương Công T, bà Trương Thị N, ông Trương Công H3, ông Trương Công T2, ông Trương Công L và bà Trương Thị M mỗi người được hưởng giá trị kỷ phần thừa kế theo pháp luật của ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X là 1.104.058.000 đồng.

Bà Lê Thị L được nhận giá trị kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị X là: 588.831.122 đồng.

6. Chia hiện vật cụ thể như sau:

- Chia cho ông Trương Công L được quyền sở hữu và sử dụng nhà, đất tại số 04 V, phường N, thị xã N diện tích đất  $156m^2$  thuộc thửa số 14 tờ bản đồ số 62 phường N có trị giá 1.046.991.387 đồng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

- Chia cho ông Trương Công H3 quyền sử dụng thửa đất số 49, 126, 127 tờ bản đồ số 63 phường N, thị xã N có diện tích đất  $1.008,8m^2$  có trị giá 4.270.732.704 đồng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

- Chia cho bà Trương Thị M và bà Trương Thị N đồng chủ quyền sử dụng lô đất có diện tích  $352m^2$  thuộc thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68, phường N, thị xã N có trị giá 1.970.425.600 đồng (trị giá kỷ phần mỗi người được nhận là 1.104.058.000 đồng) ký hiệu c trên sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án.

- Chia cho ông Trương Công T2 diện tích đất  $14,4m^2$  thuộc thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N. Như vậy, ông Trương Công T2 sẽ nhận nhà đất có diện tích  $137,2m^2$  (bao gồm diện tích được cho là  $122,8m^2$  và diện tích chia thêm là  $14,4m^2$ ) (Ký hiệu lô B trên sơ đồ kèm theo bản án)

- Chia cho những người thừa kế tổ tụng của ông Trương Công T (bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị Kim H, ông Trương Công T1 và bà Trương Thị Ngọc H1) diện

tích đất 25,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N. Như vậy, (bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị Kim H, ông Trương Công T1 và bà Trương Thị Ngọc H1) sẽ nhận nhà đất có diện tích 187m<sup>2</sup> (bao gồm diện tích đã được cho là 161,2m<sup>2</sup> và diện tích chia thêm là 25,8m<sup>2</sup>) (Ký hiệu lô A trên sơ đồ kèm theo bản án)

7. T4 toán chênh lệch kỹ phần thừa kế:

- Ông Trương Công T2 nhận diện tích đất 14,4m<sup>2</sup> có giá trị 80.608.320 đồng, ít hơn giá trị kỹ phần thừa kế mà ông được nhận là 1.023.449.680 đồng.

- Bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị Kim H, ông Trương Công T1 và bà Trương Thị Ngọc H1 nhận diện tích đất 25,8m<sup>2</sup> có giá trị 144.423.240 đồng, ít hơn giá trị kỹ phần thừa kế mà những người này được nhận là 959.634.760 đồng.

- Ông Trương Công L nhận di sản thừa kế bằng hiện vật có trị giá 1.046.991.387 đồng, ít hơn trị giá kỹ phần thừa kế mà ông L được nhận là 257.066.613 đồng.

- Bà Trương Thị M, bà Trương Thị N được nhận thừa kế bằng hiện vật có giá trị là 1.970.425.600 đồng, ít hơn giá trị kỹ phần thừa kế hai người được nhận là 237.690.400 đồng.

- Ông Trương Công H3 nhận hiện vật có trị giá 4.270.732.704 đồng; nhiều hơn trị giá kỹ phần thừa kế mà ông được hưởng là 3.066.674.175 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Công T2, ông Trương Công L, bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị Kim H không yêu cầu ông Trương Công H3 phải thanh toán giá trị chênh lệch.

Ông Trương Công H3 còn phải thanh toán cho những người sau:

T4 toán cho bà Lê Thị L: 588.831.122 đồng.

T4 toán cho bà Trương Thị N và bà Trương Thị M 237.690.400 đồng (Mỗi người 118.845.200 đồng).

\* Án phí: Bà Trương Thị Ngọc H1 phải chịu 12.278.861 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí do vẽ, định giá, phần án phí còn lại, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01-04-2016, nguyên đơn bà Trương Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 30-03-2016, các bị đơn ông Trương Công T2 và ông Trương Công L có đơn kháng cáo với nội dung: Đất có diện tích 1.008,8m<sup>2</sup> đã được cha mẹ cho ông Trương Công H3 nhưng Tòa án chia thừa kế là không đúng.

Ngày 26-3-2016 và ngày 28-3-2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công H3 có đơn kháng cáo với nội dung: Lô đất có diện tích 1.008,8m<sup>2</sup> là do ông bỏ tiền sang lấp mặt bằng và đã được cha mẹ ủy quyền cho ông. Ông đã gửi giấy tờ cho bà Trương Thị M giữ, nhưng bà M đã xóa hết chữ ký của cha mẹ cũng như sự xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, ông H3 yêu cầu không công nhận lô đất có diện tích 1.008,8m<sup>2</sup> là di sản của cha mẹ để lại mà lô đất này



cha mẹ đã cho ông; định giá tài sản quá cao; nếu Tòa chấp nhận di sản để lại thì chia theo hiện vật ông không có khả năng bồi trả lại.

Ngày 06-04-2016, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Trương Công T (chết) là bà Trương Thị Ngọc H1 có đơn kháng cáo xin xem xét lại phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị M do bà Phan Mỹ L đại diện theo ủy quyền giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn ông Trương Công T2, ông Trương Công L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công H3 (ông T2, ông L, ông H3 do ông Lê Đình H1 đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp pháp của bị đơn ông Trương Công T (chết) là bà Trương Thị Ngọc H1 tại đơn xin xét xử vắng mặt không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Phan Mỹ L cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại những vấn đề sau:

Phần đất ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X cho ông T, bà P 98,2m<sup>2</sup> cho ông T2, bà H4 69m<sup>2</sup> chứ không phải như án sơ thẩm xử. Án sơ thẩm chia cho ông H3 1.008,8m<sup>2</sup> là quá nhiều, phần đất chia cho bà M, bà N không có lỗi đi, giá đất quá cao. Tại phiên tòa phúc thẩm còn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Các bị đơn ông Trương Công T2, ông Trương Công L do ông Lê Đình H1 đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại lô đất có diện tích 1.008,8m<sup>2</sup> đã được cha mẹ cho ông Trương Công H3, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế là không đúng. Bà Trương Thị Ngọc H1 tại đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần án phí cho gia đình bà. Ông Trương Công H3 do ông Lê Đình H1 đại diện theo ủy quyền cho rằng, lô đất có diện tích 1.008,8m<sup>2</sup> là do ông H3 bỏ tiền sang lấp mặt bằng và đã được cha mẹ viết giấy ủy quyền cho ông H3. Ông H3 đã gửi giấy tờ cho bà Trương Thị M giữ nhưng bà M đã xóa hết chữ ký của cha mẹ cũng như sự xác nhận của chính quyền địa phương và giao bản phô tô không có chữ ký và xác nhận nói trên. Do đó, ông H3 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không công nhận lô đất có diện tích 1.008,8m<sup>2</sup> là di sản của cha mẹ để lại mà lô đất này cha mẹ đã cho ông. Đồng thời, ông H3 còn cho rằng nếu Tòa án chấp nhận là di sản của cha mẹ để lại chia thừa kế thì chia theo hiện vật ông không có khả năng bồi trả lại cho các đồng thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị M, kháng cáo của bị đơn ông Trương Công L, ông Trương Công T2, kháng cáo người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Trương Công T (chết) là bà Trương Thị Ngọc H1, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công H3 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*1- Về phần thủ tục tố tụng:*

Sau khi xử sơ thẩm bà Trương Thị Ngọc H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần án phí cho gia đình bà. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19-10-2020 bà H1 cho rằng hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ xin xét xử vắng mặt. Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Công H3 vắng mặt nhưng đã được ông H1 đồng ý xử vắng mặt. Những người liên quan khác vắng mặt nhưng các đương sự có mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đều đề nghị xử vắng mặt các đương sự. Xét đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ 2, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

*- Về phần định giá, thẩm định giá tài sản:*

Ngày 14-9-2016, nguyên đơn bà Trương Thị M có đơn yêu cầu định giá lại tài sản

Ngày 26-9-2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định số 4323/2016/QĐ-UTTP ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để định giá lại tài sản.

Ngày 12-10-2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định số 76A/2016/QĐ-PT tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại đơn trình bày ngày 11-10-2016, Biên bản làm việc ngày 04-11-2016, ngày 15-11-2016 bà Phan Mỹ L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị M xin được thẩm định giá thay vì định giá lại tài sản.

Ngày 06-7-2017, bà Phan Mỹ L có đơn yêu cầu đơn vị thẩm định giá là Công ty TNHH thẩm định giá X, địa chỉ thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 20-7-2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2817/2017/QĐ-UTTP ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa trưng cầu công ty nói trên để thẩm định giá.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có nhiều công văn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa yêu tiến hành thẩm định giá.

Ngày 22-5-2020, bà Phan Mỹ L có đơn xin rút yêu cầu thẩm định giá.

Ngày 18-9-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Công văn số 722/TA-DS gửi kèm theo đơn xin rút yêu cầu thẩm định giá nói trên của bà Phan Mỹ L.

Như vậy, việc ủy thác thẩm định giá quá lâu nhưng không nhận được kết quả trả lời nên căn cứ khoản 5 Điều 105 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án.

Bà Phan Mỹ L cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm chứng thư thẩm định giá ngày 04-11-2020 của công ty TNHH định giá Y đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số

62. Đây chỉ là một phần của di sản thừa kế. Bà Phan Mỹ L tự yêu cầu chưa có sự thỏa thuận lựa chọn của các đương sự trong vụ án và không được các đương sự đồng ý là vi phạm khoản 2 Điều 104 BLTTDS nên Hội đồng xét xử không chấp nhận chứng thư thẩm định giá trên.

2- *Về phần nội dung*: Đối với phần di sản thừa kế do ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X đều chết để lại, những người thừa kế được hưởng di sản của ông C, bà X đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định, các đương sự trong vụ án đều thống nhất không có khiếu nại gì nên không xét.

Xét nội dung kháng cáo của các đương sự thì thấy:

- Đối với nhà, đất tại thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N do gia đình ông Trương Công T và gia đình ông Trương Công T2 quản lý, sử dụng được thể hiện: Ngày 02-6-1991, ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X lập giấy cho nhà đất có nội dung: Ông bà là chủ nhà đất số 114 T, thị xã N (Nhà chính: nhà cấp 4 diện tích xây cất 21m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng chung 18m<sup>2</sup>, diện tích lô đất 323m<sup>2</sup>) cho ông Trương Công T và bà Đỗ Thị P: ½ ngôi nhà trên, Cụ thể: nhà chính 55m<sup>2</sup>, nhà phụ 8m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng chung 56m<sup>2</sup>, diện tích đất theo nhà 98,2m<sup>2</sup>; cho ông Trương Công T2 và bà Dương Thị Mỹ H4 ½ ngôi nhà trên, cụ thể: nhà chính 40,8m<sup>2</sup>, nhà phụ 13m<sup>2</sup>, sử dụng chung 48m<sup>2</sup>, diện tích đất theo nhà 69m<sup>2</sup>. Cả hai giấy cho nhà đất trên đều có chữ ký của ông C, bà X, bà N, ông T2, ông L, bà M (ông H3 không ký) và được Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận ngày 30-7-1991, gia đình ông T và gia đình ông T2 quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay. Do đó, các giấy cho nhà đất nói trên có giá trị pháp lý nên vợ chồng ông T và vợ chồng ông T2 được thừa hưởng.

Theo bản vẽ trích đo địa chính thửa đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập ngày 07-05-2013 thì toàn bộ phần đất này có diện tích 676,2m<sup>2</sup>. Bản án sơ thẩm xác định phần nhà đất ông C, bà X đã cho vợ chồng ông T 161,2m<sup>2</sup> (bao gồm nhà chính 55m<sup>2</sup>, nhà phụ 8m<sup>2</sup> và diện tích đất 98,2m<sup>2</sup>), cho vợ chồng ông T2 122,8m<sup>2</sup> (bao gồm nhà chính 40,8m<sup>2</sup>, nhà phụ 13m<sup>2</sup> và diện tích đất 69m<sup>2</sup>); tổng cộng là 284m<sup>2</sup>, diện tích đất còn lại 392,2m<sup>2</sup> là di sản chưa chia là có căn cứ.

- Nhà, đất tại thửa số 14, tờ bản đồ số 62, phường N, thị xã N hiện cho gia đình ông Trương Công L đang quản lý có diện tích 156m<sup>2</sup>. Ông L cho rằng phần nhà đất này cha mẹ khi còn sống đã di ngôn cho vợ chồng ông nên ông không đồng ý nhập vào để chia di sản. Yêu cầu của ông L không được phía nguyên đơn thừa nhận và không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất này là di sản của ông C và bà X để lại chưa chia và chấp nhận phần sửa chữa, tôn tạo nhà từ đường cho vợ chồng ông L 100.000.000 đồng, tiền công sức bảo quản di sản cho ông L 100.000.000 đồng là có cơ sở.

- Đối với thửa đất số 49, 126, 127 tờ bản đồ số 63 phường N, thị xã N có diện tích 1.008,8m<sup>2</sup>, ông Trương Công H3, ông Trương Công T2, ông Trương Công L cho rằng, khi còn sống cha mẹ đã làm giấy cho ông Trương Công H3. Khi đi nước

ngoài ông H3 có gửi cho bà Trương Thị M nhưng bà M cố tình giấu không trả lại. Lời khai này không được phía nguyên đơn thừa nhận, ngoài ra cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc cho nói trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 1.008,8m<sup>2</sup> là di sản của ông C, bà X để lại chưa chia và chấp nhận tiền đồ đất nâng cao mặt bằng cho ông H3 với số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng giá trị di sản của ông Trương Công C, bà Nguyễn Thị X để lại là 7.213.181.251 đồng (sau khi đã trừ 100.000.000 đồng tiền vợ chồng ông L bỏ ra sửa chữa nhà từ đường, 100.000.000 đồng công bảo quản di sản thừa kế cho ông L và 100.000.000 đồng tiền chi phí đồ đất cho ông H3) và chia kỷ phần cho các thừa kế được hưởng là đúng pháp luật.

Về hiện vật: Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Trương Công L nhà đất tại số 04 V, phường N, thị xã N diện tích đất 156m<sup>2</sup>; chia cho ông Trương Công H3 thửa đất số 49, 126, 127 tờ bản đồ số 63 phường N, thị xã N với diện tích đất 1.008,8m<sup>2</sup> (vì ông H3 xin nhận phần đất này để làm kỷ niệm); chia cho bà Trương Thị M và bà Trương Thị N diện tích đất 352m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68, phường N, thị xã N, phần đất chia cho bà M và bà N theo sơ đồ bản vẽ là có lối đi; chia cho ông Trương Công T2 diện tích 14,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68, phường N, thị xã N; chia cho những người kế thừa tổ tụng của ông Trương Công T (chết) là bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị Kim H, ông Trương Công T1 và bà Trương Thị Ngọc H1 diện tích đất 25,8 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68, phường N, thị xã N và thanh toán chênh lệch kỷ phần thừa kế cho nhau. Việc chia hiện vật như trên là hoàn toàn hợp tình, hợp lý.

Đối với kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc H1 thì tại hồ sơ chỉ thể hiện đơn xin miễn giảm tiền án phí sơ thẩm của bà Đỗ Thị P được Ủy ban nhân dân thị xã N xác nhận kính chuyển các cấp xem xét giải quyết, không có đơn của bà H1. Hơn nữa, bà H1 được chia thừa kế nên bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị M; bị đơn ông Trương Công T2, ông Trương Công L; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Trương Công T (chết) là bà Trương Thị Ngọc H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công H3 cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3 - Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trương Thị M, ông Trương Công T2, ông Trương Công L, bà Trương Thị Ngọc H1, ông Trương Công H3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4 - Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

1- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị M; bị đơn ông Trương Công T2, ông Trương Công L; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Trương Công T (chết) là bà Trương Thị Ngọc H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công H3 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 34, 131, 141 142 và 202 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 631, 634, 635, 646, 648, 652, 667, 674, 675, 676, 679, 685 Bộ luật dân sự năm 2005. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

+ Xác định tài sản do ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X tạo lập khi còn sống gồm:

- Nhà đất tại thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N nay là số 495 và 497 đường T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Nhà đất tại thửa số 14 tờ bản đồ số 62 phường N, thị xã N nay là số 04 V, phường N, thị xã N.

- Thửa đất số 49, 126, 127 tờ bản đồ số 63 phường N, thị xã N.

+ Công nhận Hợp đồng tặng cho tài sản lập ngày 02/6/1991 giữa ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X với vợ chồng ông Trương Công T, bà Đỗ Thị P và vợ chồng ông Trương Công T2 và bà Dương Thị Mỹ H4 có giá trị pháp lý.

- Xác định căn nhà trên diện tích đất 161,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 114 nay là 495 đường T, phường N, thị xã N thuộc một phần thửa đất 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N (ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm) là tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trương Công T và bà Đỗ Thị P.

- Xác định căn nhà trên diện tích đất 122,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 497 T, phường N, thị xã N thuộc một phần thửa đất 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N (ký hiệu B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm) là tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trương Công T2 và bà Dương Thị Mỹ H4.

+ Xác định di sản thừa kế của ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X để lại gồm: Diện tích đất 392,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N; Nhà, đất tại số 04 V, phường N, thị xã N thuộc thửa số 14 tờ bản đồ số 62 phường N, thị xã N và thửa đất số 49, 126, 127 tờ bản đồ số 63 phường N, thị xã N có tổng trị giá là **7.213.181.251 đồng**.

+ Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị M về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*” của ông Trương Công C (Chết năm 2001) và bà Nguyễn Thị X (Chết năm 2011).

+ Ông Trương Công T (chết) nên do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông T, bà Trương Thị N, ông Trương Công H3, ông Trương Công T2, ông Trương Công L và bà Trương Thị M mỗi người được hưởng giá trị kỷ phần thừa kế theo pháp luật của ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị X là 1.104.058.000 đồng.

Bà Lê Thị L được nhận giá trị kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị X là 588.831.122 đồng.

+ *Chia hiện vật cụ thể như sau:*

- Chia cho ông Trương Công L được quyền sở hữu và sử dụng nhà, đất tại số 04 V, phường N, thị xã N diện tích đất 156m<sup>2</sup> thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 62 phường N có trị giá 1.046.991.387 đồng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Chia cho ông Trương Công H3 quyền sử dụng thửa đất số 49, 126, 127 tờ bản đồ số 63 phường N, thị xã N diện tích đất 1.008,8m<sup>2</sup> có trị giá 4.270.732.704 đồng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Chia cho bà Trương Thị M và bà Trương Thị N đồng chủ quyền sử dụng lô đất có diện tích 352m<sup>2</sup> thuộc thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68, phường N, thị xã N có trị giá 1.970.425.600 đồng. Trị giá kỷ phần mỗi người được nhận là 1.104.058.000 đồng (ký hiệu trên sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Chia cho ông Trương Công T2 diện tích đất 14,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N. Như vậy, ông Trương Công T2 sẽ nhận nhà đất có diện tích 137,2m<sup>2</sup> (bao gồm diện tích được cho là 122,8m<sup>2</sup> và diện tích chia thêm là 14,4m<sup>2</sup>) (Ký hiệu lô B trên sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm)

- Chia cho những người kế thừa tổ tụng của ông Trương Công T (chết) là bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị Kim H, ông Trương Công T1 và bà Trương Thị Ngọc H1 diện tích đất 25,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 21, 26, 27 tờ bản đồ số 68 phường N, thị xã N. Như vậy, bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị Kim H, ông Trương Công T1 và bà Trương Thị Ngọc H1) sẽ nhận nhà đất có diện tích 187m<sup>2</sup> (bao gồm diện tích đã được cho là 161,2m<sup>2</sup> và diện tích chia thêm là 25,8m<sup>2</sup>) (Ký hiệu lô A trên sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm)

+ *T4 toán chênh lệch kỷ phần thừa kế:*

- Ông Trương Công T2 nhận diện tích đất 14,4m<sup>2</sup> có giá trị 80.608.320 đồng, ít hơn giá trị kỷ phần thừa kế mà ông được nhận là 1.023.449.680 đồng.

- Bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị Kim H, ông Trương Công T1 và bà Trương Thị Ngọc H1 nhận diện tích đất 25,8m<sup>2</sup> có giá trị 144.423.240 đồng, ít hơn giá trị kỷ phần thừa kế mà những người này được nhận là 959.634.760 đồng.

- Ông Trương Công L nhận di sản thừa kế bằng hiện vật có trị giá 1.046.991.387 đồng, ít hơn trị giá kỷ phần thừa kế mà ông L được nhận là 257.066.613 đồng.

- Bà Trương Thị M, bà Trương Thị N được nhận thừa kế bằng hiện vật có giá trị là 1.970.425.600 đồng, ít hơn giá trị kỷ phần thừa kế hai người được nhận là 237.690.400 đồng.

- Ông Trương Công H3 nhận hiện vật có trị giá 4.270.732.704 đồng; nhiều hơn trị giá kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng là 3.066.674.175 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Công T2, ông Trương Công L, bà Đỗ Thị P, bà Trương Thị Kim H không yêu cầu ông Trương Công H3 phải thanh toán giá trị chênh lệch.

Ông Trương Công H3 còn phải thanh toán cho những người sau:

T4 toán cho bà Lê Thị L 588.831.122 đồng.

T4 toán cho bà Trương Thị N và bà Trương Thị M 237.690.400 đồng (Mỗi người 118.845.200đ).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

2- Về án phí: Bà Trương Thị M, ông Trương Công T2, ông Trương Công L, bà Trương Thị Ngọc H1, ông Trương Công H3 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Trương Thị Ngọc H1 phải chịu 12.278.861 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần chi phí đo vẽ, định giá, phần án phí còn lại không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Thanh Liêm**